

Bản án số: 1173/2023/DS-PT
Ngày: 12 - 12 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ pháp lý.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Vũ Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12/12/2023, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2023/TLPT-DS ngày 10/10/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2146/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4834/2023/QĐ-PT ngày 18/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15297/2023/QĐ-PT ngày 17/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Văn phòng Luật sư Đặng Trường T.**

Trụ sở: **Số A Đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**
Người đại diện theo pháp luật: **Ông Đặng Trường T** - Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **A.02 Chung cư M, Đường số A P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (Giấy ủy quyền số 03/DS-2022 lập ngày 17/12/2022), (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị Phương Y**, sinh năm 1970 (có mặt);

2.2. Ông **Huang Shan Chang J**, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: **Số C, Đường D, khu dân cư H, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

3. Người phiên dịch cho ông Huang Shan Chang J: Bà Tu Do Bích P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số C, đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương Y và ông Huang Shan Chang J (đồng bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Văn phòng Luật sư Đặng Trường T (có bà Nguyễn Thị Lệ H đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Đầu năm 2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương Y, ông Huang Shan Chang J có đến Văn phòng Luật sư Đặng Trường T tại số A - A N, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đề nhờ tư vấn. Tài liệu bà Y, ông J đưa ra là mấy tờ giấy photocopy về việc mua bán đất từ năm 2005 với vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966 và ông Trương Văn B, sinh năm 1966 (cùng cư ngụ tại: B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An). Vị trí các lô: Lô 37 - I 45, Lô 38 - I 45, Lô 39 - I 45, Lô 40 - I 45 đường B Khu dân cư T, huyện Đ, tỉnh Long An, mỗi lô có diện tích 125m².

Đề thuận tiện cho việc thu thập và xác lập các chứng cứ để tiến hành khởi kiện, ngày 21/5/2020 vợ chồng bà Y, ông J đã tiến hành công chứng Hợp đồng ủy quyền số 004707 cho Luật sư để Luật sư Đặng Trường T tiến hành thu thập chứng cứ. Tiếp đó ngày 29/5/2020, Văn phòng luật sư Đặng Trường T làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do tranh chấp quyền sử dụng đất nên phải hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên hồ sơ được chuyển về Ủy ban nhân dân xã Đ thực hiện thủ tục hòa giải đất đai. Đến ngày 24/7/2020 có được tờ trình số 448 ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/8/2020. Sau gần 4 tháng, Luật sư Đặng Trường T nhận được ủy quyền và đích thân Luật sư đi thu thập chứng cứ.

Ngày 26/8/2020, Văn phòng Luật sư Đặng Trường T (Bên A) mới ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HDDV với vợ chồng bà Y, ông J (Bên B) với các điều khoản quan trọng như sau:

Nội dung chính: Bên A nhận giúp cho Bên B trong việc tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho bà Y, ông J trong việc đòi lại tài sản là 4 lô đất của bà Nguyễn Thị T2 và ông Trương Văn B. Bà T2 và ông B là người có đất và bị Nhà nước thu hồi đưa vào dự án Khu dân cư T, hai vợ chồng bà T2 được phân lại 4 nền nhà: Lô 37 - I 45, Lô 38 - I 45, Lô 39 - I 45, Lô 40 - I 45 đường B Khu dân cư T, huyện Đ, tỉnh Long An. Do Bên B hiện đang gặp khó khăn về tài chính nên Luật sư Đặng Trường T phải bỏ ra toàn bộ chi phí cho vụ kiện trên. Sau khi kết thúc vụ kiện, Bên B phải thanh toán 50% giá trị tiền hoặc đất trên toàn bộ giá trị phần đất diện tích 500m² (4 lô Lô 37 - I 45, Lô 38 - I 45, Lô 39 - I 45, Lô 40 - I 45 đường B Khu dân cư T, huyện Đ, tỉnh Long An) hiện do ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị T2 quản lý sử dụng

Nếu trả lại đất thì 50% giá trị đất; Nếu trả bằng tiền theo giá thỏa thuận hay bản án có hiệu lực của Tòa án thì 50% giá trị tiền. Tất cả số 50% giá trị này là

chi phí bắt buộc để Luật sư làm việc bao gồm các chi phí: án phí, tiền thẩm định giá, định giá, tiền xe đi lại cũng như các loại phương tiện khác từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Long An cũng như các nơi làm việc khác; tiền công, tiền gửi nhận hồ sơ, điện thoại, ăn ở và các chi phí khác phục vụ theo nội dung hợp đồng. Nghĩa vụ các bên:

- Bà **Y** và ông **J** cam kết đảm bảo tính trung thực và nội dung đúng của vụ việc khi cung cấp các dữ liệu cần thiết cho luật sư. Bên B cung cấp cho bên A các tài liệu và thông tin cần thiết có liên quan đến công việc mà bên B yêu cầu để Bên A có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Bà **Y**, ông **J** ủy quyền cho Bên A được thay mặt Bên B bảo vệ quyền lợi tại các nơi làm việc.

- Bà **Y**, ông **J** cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ chứng cứ của vụ việc.

- Bà **Y**, ông **J** không được đơn phương chấm dứt hợp đồng với bất kỳ lý do gì, nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ tất cả chi phí cũng như các khoản mà Bên A đã bỏ ra cho vụ kiện là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Trường hợp trong quá trình giải quyết vụ việc có sự việc bất khả kháng nào xảy ra liên quan đến thừa kế, thì những người thừa kế hợp pháp của ông **Huang Shan Chang J** và vợ là bà **Nguyễn Thị Phương Y** phải có nghĩa vụ thanh toán thay.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa chính thức nhận hồ sơ khởi kiện. Ngày 19/9/2020 đơn khởi kiện được làm bổ sung và có thay đổi yêu cầu. Ngày 29/9/2020 hồ sơ khởi kiện sau khi Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thu thập đã chuyển lên Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo thẩm quyền. Ngày 03/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã chấp nhận hồ sơ khởi kiện và cho đóng tiền tạm ứng án phí.

Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết hồ sơ vụ kiện, mặc dù đang trong các đợt đỉnh dịch khốc liệt nhưng Văn phòng luật sư cũng như bản thân Luật sư vẫn tích cực tham gia và liên hệ đơn đốc Tòa án xử lý đúng trình tự thủ tục tố tụng. Ngày 04/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An cho tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ 04 lô đất có ký hiệu như đã nêu trên. Ngày 03/3/2021, thu thập tài liệu hồ sơ gốc các lô đất từ Ủy ban nhân dân xã Đ. Ngày 29/4/2021, có kết luận giám định chữ ký. Ngày 13/5/2021, có kết quả Chứng thư thẩm định giá và kết quả định giá đo vẽ các lô đất. Giá thẩm định tài sản có giá trị là 11.375.771.000 đồng.

Sau đó, vào các ngày 28/5/2021, 18/10/2021, 12/11/2021, 24/11/2021 Tòa án đã tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ. Ngày 16/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS, xét xử vào ngày 06/01/2022. Ngày 06/01/2022, Tòa án hoãn phiên tòa và vụ kiện sẽ được xét xử lại vào ngày 17/01/2022.

Ngày 24/11/2021 vợ chồng bà Y, ông J không bàn bạc với Văn phòng luật sư, ông bà đã gửi cho Văn phòng luật sư thông báo về việc: Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền và không xem xét quyền lợi cũng như quá trình giải quyết công việc của Văn phòng luật sư và không có một lời giải thích. Ngày 13/01/2022, bà Nguyễn Thị Phương Y còn gửi tin nhắn cho Luật sư T: “Nếu anh lấy được đất 04 miếng về thì bên em vẫn chia 50. Nếu lấy tiền thì Văn phòng luật sư chỉ được hưởng chỉ 25% giá trị tiền, Anh trả lời em ngay”. Ngày 16/01/2022, bà Y chấm dứt hợp đồng và sáng ngày 17/01/2022 hai vợ chồng bà Y chủ động đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An rút đơn kiện.

Việc bà Y, ông J hủy Giấy ủy quyền và có hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020, là vi phạm nghĩa vụ theo cam kết hợp đồng. Vụ việc vợ chồng bà Y, ông J mua bán giấy tay từ năm 2005 đến khi gặp Văn phòng luật sư thì bà Y, ông J không biết thừa kiện nơi đâu. Đến khi Văn phòng luật sư đã đổ bao công sức, tiền bạc cho đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử thì bà Y, ông J nảy lòng tham và lật lọng, không muốn thanh toán tiền thù lao cho Luật sư mà đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý trái pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương Y và ông Huang Shan Chang J có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là số tiền 2.000.000.000 đồng theo cam kết khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020 trái pháp luật. Thực hiện trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

*** Tại các bản tự khai, đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương Y, ông Huang Shan Chang J trình bày như sau:**

Bị đơn thừa nhận tự nguyện ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020 với Văn phòng Luật sư Đặng Trường T. Có thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư Đặng Trường T. Bị đơn không chấp nhận bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000.000 đồng cho Văn phòng Luật sư theo cam kết khi đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ.

Bị đơn có Đơn yêu cầu phản tố đề ngày 26/12/2022: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020, là vô hiệu toàn bộ vì ông J là người nước ngoài đọc và viết tiếng Hoa, mà không có phiên dịch và văn bản dịch nội dung hợp đồng sang tiếng Anh.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2146/2023/DS-ST ngày 28/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương Y và ông Huang Shan Chang J có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Văn phòng Luật sư Đặng Trường T toàn bộ số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng theo cam kết khi đơn phương chấm dứt trái pháp luật Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020.

Thực hiện trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Không tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý ký ngày 26/8/2020 là vô hiệu toàn bộ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Nguyễn Thị Phương Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **Nguyễn Thị Phương Y** phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000 đồng, được căn trừ vào tạm ứng đã nộp. Bà Y đã nộp đủ 150.000 đồng.

- Ông **Huang Shan Chang J** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch và không giá ngạch). Trả lại cho ông **Huang Shan Chang J** số tiền 150.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0007986 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại cho Văn phòng Luật sư **Đặng Trường T** toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng Biên lai thu tiền số AA/2021/0007044 ngày 22/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Ngày 03/7/2023, bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** (đồng bị đơn) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

* Bà **Nguyễn Thị Lệ H** là người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Luật sư **Đặng Trường T** trình bày: Tôi không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, tôi đề xuất phương án hòa giải như sau: Hai bên chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020, bị đơn phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng cho nguyên đơn số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải nộp theo quy định.

* Người kháng cáo là bà **Nguyễn Thị Phương Y** trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu

cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay người đại diện nguyên đơn đưa ra phương án hòa giải và tôi đồng ý với phương án này. Tôi đồng ý chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020, tôi và ông **Huang Shan Chang J** sẽ trả cho nguyên đơn số tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm tôi sẽ nộp theo quy định.

* *Người kháng cáo là ông **Huang Shan Chang J** (có bà **Tu Do Bích P** phiên dịch) trình bày:* Tôi kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa hôm nay người đại diện nguyên đơn đưa ra phương án hòa giải và tôi đồng ý với phương án này. Tôi đồng ý chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020 giữa hai bên, tôi và bà **Nguyễn Thị Phương Y** sẽ trả cho nguyên đơn số tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm tôi tự nguyện nộp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** (bị đơn) thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào thỏa thuận của hai bên đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Ngày 28/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2146/2023/DS-ST. Ngày 03/7/2023, bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** (bị đơn) nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Về nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Văn phòng luật sư **Đặng Trường T** (có bà **Nguyễn Thị Lệ H** đại diện) và bị đơn là bà **Nguyễn Thị Phương Y**, ông **Huang Shan Chang J** cùng thỏa thuận: Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020 ký kết giữa hai bên; bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** (bị đơn) phải bồi thường cho Văn phòng luật sư **Đặng Trường T** do đơn phương chấm dứt hợp đồng số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ

tám trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn nộp.

Xét, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, thì “*Người cao tuổi được quy định trong luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*”. Ông **Huang Shan Chang J** sinh năm 1957, là người có quốc tịch Canada, không phải là công dân Việt Nam, nên không được miễn án phí theo quy định nói trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Huang Shan Chang J** cũng tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐDV ngày 26/8/2020 là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** phải nộp; được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí mà bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0007986 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** phải nộp tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn (1.800.000.000 đồng), được tính: 36.000.000 đồng + (3% x 1.000.000.000 đồng) = 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

- Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư **Đặng Trường T** tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng Biên lai thu tiền số AA/2021/0007044 ngày 22/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm.

Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí mà bà **Y** và ông **J** mỗi người đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu số AA/2023/0004256 ngày 13/7/2023 và số AA/2023/0005751 ngày 17/10/2013 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 275, 280, 357, 468, 513, 514 và khoản 2 Điều 515 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Phương Y**, ông **Huang Shan Chang J** (bị đơn). Sửa bản án dân sự sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1.1. Văn phòng luật sư **Đặng Trường T** (nguyên đơn) và bị đơn là bà **Nguyễn Thị Phương Y**, ông **Huang Shan Chang J** chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HDDV ngày 26/8/2020 ký kết giữa hai bên.

1.2. Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** phải bồi thường cho Văn phòng luật sư **Đặng Trường T** do đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HDDV ngày 26/8/2020 với số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí mà bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0007986 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** phải nộp là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

- Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư **Đặng Trường T** số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số

AA/2021/0007044 ngày 22/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm.

Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà **Y** và ông **J** mỗi người đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu số AA/2023/0004256 ngày 13/7/2023 và số AA/2023/0005751 ngày 17/10/2013 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Nguyễn Thị Phương Y** và ông **Huang Shan Chang J** đã nộp đủ.

Các bên đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Cương – Nguyễn Thị Thanh Hiền

Trịnh Thị Ánh

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh